

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ LÁCH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22/02/2019.
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Phận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tùng.
2. Bà Bùi Thị Thúy Bắc.

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Ngọc Tú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 374/2018/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2018 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐST - HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2019 giữa:

* ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị Ph - Sinh năm: 1976; địa chỉ: ấp SQ, thị trấn CL, huyện CL, tỉnh Bến Tre.

* ***Bị đơn:*** Anh Nguyễn Hoàng P - Sinh năm: 1976; địa chỉ: ấp SQ, thị trấn CL, huyện CL, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ph trình bày:

Năm 1997 chị Nguyễn Thị Ph và anh Nguyễn Hoàng P có tiến đến hôn nhân, hôn nhân giữa anh chị là tự nguyện, anh chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập

quán và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Chợ Lách, huyện CL, tỉnh Bến Tre vào ngày 17/3/2005.

Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc khoảng 19 năm thì phát sinh mâu thuẫn, anh P có quen người phụ nữ khác nên dọn về sống chung nhà với người này từ năm 2017 cho đến nay.

Trong thời gian đầu giữa anh chị cũng như gia đình 02 bên có tác động để anh chị đoàn tụ nhưng không thành. Cho rằng tình cảm vợ chồng là không còn, không thể hàn gắn để đoàn tụ. Vì vậy, chị Ph yêu cầu được ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ph và anh Nguyễn Hoàng P có 01 người con chung là Nguyễn Thiện N - Sinh ngày 24/4/2005. Sau khi ly hôn bà Ph yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 3.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn là anh Nguyễn Hoàng P trình bày:

Về thời gian kết hôn, thời gian sống chung hạnh phúc, về con chung và về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn thì anh đồng ý với lời trình bày của vợ anh là chị Nguyễn Thị Ph. Trong thời gian chung sống anh cũng có một thời gian có lỗi với chị Ph, nay anh mong chị tha thứ để vợ chồng đoàn tụ và cùng lo cho con.

Về con chung, về tài sản, về nợ: Do anh không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến, yêu cầu gì.

Trường hợp tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ph thì anh cũng đồng ý để chị Ph tiếp tục nuôi con và đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 3.000.000đồng/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có.

**** Phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:***

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng nên Kiểm sát viên không có ý kiến.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Mặc dù anh P không đồng ý ly hôn nhưng cũng thừa nhận hiện

nay anh đang sống với người phụ nữ khác cùng địa phương. Từ đó cho thấy mâu thuẫn trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ph đối với anh P là phù hợp.

Về con chung: Chị Ph và anh P có 01 người con chung là Nguyễn Thiện N - Sinh ngày 24/4/2005. Do cháu N có nguyện vọng được sống với chị Ph và chị Ph, anh P cũng thống nhất để chị Ph tiếp tục nuôi con nên ghi nhận.

Ghi nhận việc anh P đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 3.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi.

Về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ: Đương sự khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do các bên tranh chấp và nguyên đơn có đơn khởi kiện nên Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:* Việc kết hôn giữa chị Ph, anh P là tự nguyện, anh chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Chợ Lách, huyện CL, tỉnh Bến Tre vào ngày 17/3/2005. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, sau khi kết hôn và chung sống hạnh phúc một thời gian thì đời sống hôn nhân có nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân là anh P chung sống với người phụ nữ khác mà không lo cho gia đình. Mặc dù anh P không đồng ý ly hôn nhưng cũng thừa nhận hiện nay anh đang sống với người phụ nữ khác cùng địa phương. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng là không còn, mâu thuẫn trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ph đối với anh P.

Về con chung: Chị Ph và anh P có 01 người con chung là Nguyễn Thiện N - Sinh ngày 24/4/2005. Do cháu N có nguyện vọng được sống với chị Ph và chị Ph, anh P cũng thống nhất để chị Ph tiếp tục nuôi con sau khi ly hôn nên ghi nhận.

Ghi nhận việc anh P đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 3.000.000đồng/tháng. Thời hạn cấp dưỡng từ khi có quyết định của Tòa án cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi.

Về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ: Đương sự khai không có nên không xem xét.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí: Các đương sự phải nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ph đối với anh Nguyễn Hoàng P.

2. *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Thiện N - Sinh ngày 24/4/2005 cho chị Ph tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Buộc anh Nguyễn Hoàng P phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 3.000.000đồng/tháng (ba triệu đồng mỗi tháng) thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án (ngày 22/02/2019) cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lợi dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung chị Ph, anh P có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản:* Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. *Về nợ:* Đương sự khai không có nên không xem xét.

5. *Về án phí sơ thẩm:*

Chị Nguyễn Thị Ph phải nộp 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0020342 ngày 06/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Chị Ph đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Hoàng P phải nộp 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí về việc cấp dưỡng nuôi con.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện CL;
- Chi cục THADS huyện CL;
- Phòng GDKT - TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã (nơi cấp giấy chứng nhận kết hôn);
- Lưu hsva, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Lê Văn Phận